

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 22/02/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Thuận

Ông Ngô Văn Nghi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Trần Bình Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Pt, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Thôn Hòa Sơn, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định

- Bị đơn: Bà Phan Thị Hồng N, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Thôn Hòa Hiệp, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn bà P có mặt, bị đơn bà N vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/11/2020 của nguyên đơn bà Phạm Thị P trình bày: Giữa bà và bà Phan Thị Hồng N là chỗ quen biết, bà là nhà xe chở thuê cây bạch đàn xuất khẩu cho bà N. Quá trình chở cây thuê bà N có hỏi mượn tiền của bà, do bà N mua đám cây mà không đủ tiền nên có hỏi mượn bà với số tiền 80.000.000 đồng vào năm 2015, giữa hai bên không có tính lãi suất, từ khi mượn bà N đã trả được nhiều

lần, đến ngày 20/01/2018 giữa bà và bà N chốt nợ số tiền mà bà N còn nợ của bà là 43.000.000 đồng, việc chốt nợ hai bên có viết nợ để làm tin hứa sẽ trả tiền vào ngày 20 hàng tháng số tiền trả là 3.000.000 đồng/tháng, từ khi viết giấy nợ bà N đã trả nhiều lần tiền cho bà, tính đến ngày 25/9/2018 số tiền mà bà N còn nợ lại số tiền 39.400.000 đồng, bà đã đòi nhiều lần nhưng bà N vẫn không trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả số tiền 39.400.000 đồng một lần và không yêu cầu tính lãi suất. Thời điểm bà N mượn tiền bà thì chồng bà N có biết, nhưng việc bà N nhận tiền và viết giấy mượn chỉ có 01 mình bà N nên bà chỉ yêu cầu một mình bà N trả nợ không yêu cầu chồng bà N có trách nhiệm trả nợ.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phan Thị Hồng N trình bày: Bà thừa nhận giữa bà và bà P là chỗ quen biết, bà P chở cây thuê cho bà, quá trình bà P chở cây thuê cho bà, năm 2015 bà có hỏi mượn bà P số tiền 80.000.000 đồng để mua cây do thiếu tiền, việc mượn tiền của bà P chồng bà có biết, nhưng bà là người đứng ra mượn tiền của bà P nên bà tự có trách nhiệm trả nợ, chồng bà không có liên quan gì đến việc nợ của bà P. Quá trình mượn tiền bà đã trả dần tiền cho bà P, sau đó hai bên chốt nợ vào ngày 20/01/2018 thì bà còn nợ bà P số tiền 39.400.000 đồng. Bà thừa nhận hiện còn bà P số tiền 39.400.000 đồng, nhưng vì điều kiện khó khăn xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HDXX) nghị án:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 BLTT Dân sự năm 2015 và chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các điều 70, 72 BLTT Dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

Căn cứ Điều 357, 463, 469 BLDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P, buộc bà Phan Thị Hồng N phải trả cho bà P số tiền còn nợ là 39.400.000 đồng. Bà N không phải trả lãi vì bà P không yêu cầu. Bác yêu cầu xin trả nợ dần của bà N. Về án phí dân sự sơ thẩm bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị P khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phan Thị Hồng N trả nợ theo giấy cam kết việc trả nợ tiền mặt, bị đơn bà N không trả nên phát sinh tranh chấp. Yêu cầu khởi kiện của bà P thuộc một trong các trường hợp tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận.

Về sự vắng mặt của bị đơn bà Phan Thị Hồng N. Căn cứ quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Giữa bà Phạm Thị P và bà Phan Thị Hồng N là chỗ quen biết nhau nên bà P có cho bà N mượn số tiền 80.000.000 đồng vào năm 2015 để mua cây, giữa hai bên mượn tiền không có tính lãi suất, từ khi mượn tiền bà N đã trả được nhiều lần tiền, đến ngày 20/01/2018 giữa bà P và bà N chốt nợ số tiền mà bà N còn nợ của bà P là 43.000.000 đồng, việc chốt nợ hai bên có viết nợ để làm tin hứa sẽ trả tiền vào ngày 20 hàng tháng, với số tiền trả là 3.000.000 đồng/tháng, từ khi viết giấy nợ bà N đã trả nhiều lần, tính đến ngày 25/9/2018 số tiền mà bà N còn nợ lại số tiền 39.400.000 đồng, bà N cũng thừa nhận còn nợ của bà P số tiền 39.400.000 đồng, nhưng vì điều kiện khó khăn bà N trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà P và bà N được xác lập ngày 20/01/2018 là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi được quy định của khoản 1 Điều 469 BLDS năm 2015 để giải quyết. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn bà P đã cung cấp chứng cứ là Giấy cam kết việc trả nợ tiền mặt số tiền còn nợ là 43.000.000 đồng, bà Phan Thị Hồng N đã ký vào giấy nhận nợ. Sau khi viết giấy đến năm 2019 bà N trả tiền cho bà P được 3.600.000 đồng còn nợ lại số tiền 39.400.000 đồng. Bị đơn bà N cũng công nhận giấy mượn tiền trên là do bà viết và ký và thừa nhận còn nợ của bà P số tiền 39.400.000 đồng. Bà P đã đòi nhiều lần nhưng bà N không trả nợ là bà N đã vi phạm hợp đồng nên yêu cầu của bà P được HĐXX chấp nhận. Do đó, buộc bà N phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà P số tiền nợ 39.400.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về lãi suất: Hai bên thừa nhận mượn không có tính lãi suất, tại phiên tòa hôm nay bà P cũng không yêu cầu tính lãi suất nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Đối với yêu cầu của bà N xin trả nợ dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hiện nay bà khó khăn không có khả năng trả nợ một lần. Yêu cầu của bà N không được nguyên đơn chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P được HĐXX chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, bị đơn bà Phan Thị Hồng N phải chịu 1.970.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 985.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn do bà Phạm Thị P nộp theo biên lai thu số 0006986 ngày 26/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị P về việc yêu cầu bà Phan Thị Hồng N phải trả số tiền 39.400.000 đồng.

2. Buộc bà Phan Thị Hồng N phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị P số tiền 39.400.000 đồng (*Ba mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Phạm Thị P có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Phan Thị Hồng N không thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ số tiền trên thì bà N còn phải trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Bác lời yêu cầu của bà Phan Thị Hồng N xin trả dẫn mỗi tháng 2.000.000 đồng vì không được nguyên đơn chấp nhận.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Hồng N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.970.000 đồng (*Một triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả 985.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn do bà Phạm Thị P nộp theo biên lai thu số 0006986 ngày 26/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/02/2021, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Trí